

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

### KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/01/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+CLO+BK14	7:25	22+0+0	0+0+0		19+0+1	0+0+0	chuyen 1 clo- bk14
2		RP3+RP2+RC3	7:25	21+0+1	0+0+0		14+2+0	0+0+0	chuyen 2 rp2- rc3
3		VSP01-P9+P4	9:25	2+1+17	0+0+0		0+0+19	0+0+0	
4		PPD+BK6	12:00	22+0	0+0		13+0	0+0	chuyen 1 ppd - bk6
5		RC4+RC10+RC3	14:00	9+7+4	0+0+0		3+2+0	0+0+0	chuyen 2 rc4- rc3

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/ Đi về trong ngày PPD-3ng



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: PPD - CLO - BK14	CREW: DUONG - MTHAO - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/0200	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	SIDOROV I.N.	PPD						90	D-HANH	Russian
2	BOVT A.V.	PPD	77	1	3			93	D-HANH	Russian
3	LAM QUANG NAM	PPD	67	1	9			75	KHI	Vietnamese
4	PHAM VAN SON	PPD	79	1	3			57	KHI	Vietnamese
5	BUI HUU LAN	PPD	68	1	4			78	KHI	Vietnamese
6	TU NGOC HAI*	PPD	64-65	2	9			79	KHI	Vietnamese
7	PHAM DUC TUAN	PPD	63	1	4	1	10	69	KHI	Vietnamese
8	HOANG NGUYEN TAN DAT	PPD	76	1	8			61	KHI	Vietnamese
9	TRAN DUC DUY	PPD	70-71	2	18			69	KHI	Vietnamese
10	DO VAN THANH	PPD	60	1	6			85	KHI	Vietnamese
11	DO VAN TU	PPD	71	1	4			64	KHI	Vietnamese
12	HOANG MINH HIEU	PPD	78	1	5			71	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN VINH	PPD	59	1	5			70	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC THU	PPD	69	1	6			63	KHI	Vietnamese
15	PHUNG VAN CHINH	PPD	61	1	4			81	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN HUYNH	PPD	66	1	4			51	KHI	Vietnamese
17	KUSHCHENKO ROMAN	PPD						122	KHI	Russian
18	LUU HO ANH	PPD	75	1	12			78	CODIEN	Vietnamese
19	TRAN MANH CUONG	PPD	72-73	2	20			72	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN CONG PHUONG	PPD	80	1	8			68	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN HONG QUAN	PPD	62	1	10			73	CODIEN	Vietnamese
22	HOANG CAO MINH	PPD	56-58	3	12			66	CODIEN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	22	1.635	25	154	1	10	19		
2	CLO	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 01 PAX TU CLO SANG BK14	
3	BK14	0	0	0	0	4	51	1		
TOTAL		22	1.635	25	154	5	61	20		
WEIGHT KG			1.635		154		61			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

MAI VĂN THAO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: RP3 - RP2 - RC3	CREW: VIỆT - M.ĐỨC - QTRƯỜNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2	VNHS FLIGHT: TM26/0204		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN MINH VIỆN	RP3	14-15	2	13			77	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NAM*	RP3	11	1	8			78	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC ANH	RP3	24	1	4			70	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3						65	KHI	Vietnamese
5	LÀNH TRUNG ĐÔNG	RP3	05	1	4			68	KHI	Vietnamese
6	HOANG ĐỨC LÂM ANH	RP3	13	1	4			77	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐỨC	RP3	21	1	15			80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HOANG AN*	RP3	22	1	10			73	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM THAI SƠN*	RP3	17-18	2	13			83	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ CHÍ CÔNG	RP3	16	1	10			51	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG VĂN VAO	RP3	07-08	2	10			79	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3	06	1	6			70	KHI	Vietnamese
13	LÊ XUÂN VIỆT	RP3	12	1	6			76	KHI	Vietnamese
14	HOANG VĂN CHIẾN	RP3	23	1	2			72	KHI	Vietnamese
15	PHẠM DUY DŨNG*	RP3						76	KHI	Vietnamese
16	LÊ HỮU ĐẠT	RP3	01	1	2			74	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN	RP3	04	1	7			69	KHI	Vietnamese
18	PHẠM VĂN HUY	RP3	03	1	10			70	KHI	Vietnamese
19	HUYNH THẾ TÀI	RP3	02	1	7			65	KHI	Vietnamese
20	PHAN ANH KHANG	RP3	19-20	2	13			67	KHI	Vietnamese
21	LÊ THANH ĐẠT*	RP3	09-10	2	17			98	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN MINH NGỌC	RC3	15	1	14	3	49	87	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	21	1.538	24	161	0	0	14		
2	RP2	0	0	0	0	0	0	2	CHUYEN 02 PAX TU RP2 SANG RC3	
3	RC3	1	87	1	14	3	49	0		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.625</b>	<b>25</b>	<b>175</b>	<b>3</b>	<b>49</b>	<b>16</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.625</b>		<b>175</b>		<b>49</b>			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN MINH ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: VSP01 - P9 - P4	CREW: DUONG - MTHAO - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/0201	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	DOAN VIET DONG	P9	23-24	2	19			74	CODIEN	Vietnamese
2	VU NGOC CANH*	P9	25-26	2	17			80	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC TAN	P4	57	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN BACH DUONG	P4	49	1	5			71	KHI	Vietnamese
5	LE VAN HUONG	P4	58	1	5			60	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN MINH DUC	P4	48	1	8			102	KHI	Vietnamese
7	HOANG TRONG TAN	P4	50	1	6			72	KHI	Vietnamese
8	TRAN SON NAM	P4	47	1	4	1	14	86	KHI	Vietnamese
9	LUONG TUAN CHUNG	P4						75	KHI	Vietnamese
10	PHAM VAN QUYEN	P4	46	1	5	1	12	78	KHI	Vietnamese
11	HOANG VAN HUNG	P4						79	KHI	Vietnamese
12	ZHURBIN NIKOLAY	P4	56	1	5			89	KHI	Russian
13	TRAN SON TIEN	P4	54-55	2	7			69	KHI	Vietnamese
14	TA VAN QUYNH	P4						71	KHI	Vietnamese
15	VU NGOC TUAN	P4	51	1	4			80	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN CHIEN CONG	P4	52	1	6			66	KHI	Vietnamese
17	PHAM CONG DIEN	P4						76	PSV	Vietnamese
18	PHAN SY HOAN	P4	59	1	6			66	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TRUNG THANG	P4	53	1	7			83	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP01	0	0	0	0	0	0	1		
2	P9	2	154	4	36	0	0	0		
3	P4	17	1.285	14	71	2	26	19		
TOTAL		19	1.439	18	107	2	26	20		
WEIGHT KG			1.439		107		26			

GRAND TOAL: 1.572 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

BUI HOANG DUONG

MAI VAN THAO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO: PPD - BK6	CREW: XHOÀN - TTRUNG - HIẾU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 04	VNHS FLIGHT: TM26/0202		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐẶNG VĂN BAN	PPD						75	KHI	Vietnamese
2	PHẠM HỒNG THAI	PPD	88	1	5			67	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	87	1	5			76	KHI	Vietnamese
4	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	86	1	5			85	KHI	Vietnamese
5	HUYNH NAM LONG	PPD	82	1	7			69	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	94-96	3	9			65	KHI	Vietnamese
7	TRẦN SƠN HAI	PPD	85	1	5			74	KHI	Vietnamese
8	HOANG HUY TIEN	PPD	300	1	4			57	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH CƯƠNG	PPD	46	1	7			70	KHI	Vietnamese
10	ĐẬU TRỌNG HOÀNG	PPD	93	1	4			67	KHI	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN ĐIỆP	PPD	91-92	2	12			66	KHI	Vietnamese
12	HOANG CÔNG ĐỨC	PPD	83-84	2	13			62	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HAO	PPD	45	1	10			77	KHI	Vietnamese
14	ĐINH VĂN CƯỜNG	PPD	97	1	10	2	38	67	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	PPD	93	1	9			58	KHI	Vietnamese
16	LÊ QUANG NINH	PPD				1	26	65	KHI	Vietnamese
17	QUÁCH THANH ĐO	PPD	94-96	3	19	1	10	65	KHI	Vietnamese
18	VÕ QUỐC ANH	PPD	97-98	2	12			70	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THOÀ	PPD	98-99	2	10			55	QUYẾT TH/	Vietnamese
20	VU VĂN LỢI	PPD	89-90	2	17			65	QUYẾT TH/	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	20	1.355	27	163	4	74	13		CHUYEN 1 PAX PPD-BK6
2	BK6	0	0	0	0	2	25	0		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.355</b>	<b>27</b>	<b>163</b>	<b>6</b>	<b>99</b>	<b>13</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.355</b>		<b>163</b>		<b>99</b>			

GRAND TOAL: 1.617 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN  
NGUYỄN THÀNH TRUNG





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
B.CARD: XANH-4	TO: RC4 - RC10 - RC3	CREW: XHOÀN - TTRUNG - HIẾU	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 05	VNHS FLIGHT: TM26/0203		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VU HOANG TAN	RC4	72	1	9			95	KH-THAC	Vietnamese
2	IUKHIMCHUK A.G.	RC4	62	1	12			86	KH-THAC	Russian
3	TRAN NAM THANG	RC4	65	1	15	2	35	100	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DAI KHOA	RC4	70-71	2	15			70	KH-THAC	Vietnamese
5	LUONG TUAN ANH	RC4	63-64	2	13			87	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH LUAN	RC4	73	1	10			58	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM TRUNG HIEU	RC4	66-67	2	19			73	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN CUONG	RC4	68-69	2	19			83	DVL	Vietnamese
9	VU MINH DUC	RC10	59-61	3	20			94	KH-THAC	Vietnamese
10	LE VAN NGHI	RC10	70-71	2	16			66	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM VAN THANH	RC10	62	1	11			80	KH-THAC	Vietnamese
12	LE THANH BINH	RC10	63	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
13	LE VAN DUONG	RC10	58	1	10	4	28	85	XAYLAP	Vietnamese
14	MAI DUY TAN	RC10	64-65	2	16			68	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN MANH TUNG *	RC10	56-57	2	17			75	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN VIET	RC3	29	1	16	1	18	79	XAYLAP	Vietnamese
17	CHU TIEN DUNG	RC3	32-33	2	12	1	13	90	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN MANH HUNG	RC3	30-31	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN HUU TUAN	RC3	27-28	2	18			55	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC4	8	652	12	112	2	35	3	12	CHUYEN 2 PAX RC4-RC3
2	RC10	7	534	12	98	4	28	2		
3	RC3	4	294	7	66	2	31	0		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.480</b>	<b>31</b>	<b>276</b>	<b>8</b>	<b>94</b>	<b>5</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.480</b>		<b>276</b>		<b>94</b>			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN   
 NGUYỄN THÀNH TRUNG

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐHTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/01/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD8+TD5+TD2	7:25	18+0+2	0+0+0		18+0+0	0+0+0	chuyen 2 td5-td2
2		PVD8+P11+CTK3	9:25	15+1+4	0+0+0		8+6+1	0+0+0	
3		RC4+RC5+MRM	12:00	5+4+10	0+0+0		0+0+16	0+0+0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: VANG-1	TO: PVD8 - TD5 - TD2	CREW: LINH - VTHẮNG - DTÙNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1	VNHS FLIGHT: TM26/0215		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ CÔNG CHÍNH	PVD8	41	1	11	3	39	73	PVD DD	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	PVD8	34	1	4			86	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẶNG CÔNG THỊNH	PVD8	40	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ HOANG LONG	PVD8	35	1	14			101	DMC-MI	Vietnamese
5	DƯƠNG VĂN MẠNH	PVD8	48	1	7			84	PVD DD	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THẮNG	PVD8	42	1	5			76	PVD DD	Vietnamese
7	PHẠM ANH TUẤN	PVD8	47	1	5			83	PVD DD	Vietnamese
8	HOANG KHÁC THANH	PVD8	43-44	2	16			73	PVDO	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐO	PVD8	37	1	9			64	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT TOÀN	PVD8	36	1	8			90	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN BÌNH DÂN	PVD8	38	1	9			65	PVDO	Vietnamese
12	NGUYỄN THAI HỢP	PVD8	45	1	12			64	PVDO	Vietnamese
13	LÊ BA LONG	PVD8	39	1	5			59	PVDO	Vietnamese
14	HOANG GIA KHÔI	PVD8	52	1	8			57	PVDO	Vietnamese
15	LÊ DUY KHÁNH	PVD8	51	1	4			52	PVDO	Vietnamese
16	TRẦN VIỆT NAM	PVD8	46	1	3			71	PVDO	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HOÀ	PVD8	50	1	4			72	PVDO	Vietnamese
18	VŨ VĂN TĂNG	PVD8	49	1	6			65	PVDO	Vietnamese
19	HOANG VĂN TOÀN	TD2	37	1	13	2	24	70	QUYẾT TH	Vietnamese
20	NGUYỄN DUYỆN NGÂN	TD2	40	1	6	1	10	59	QUYẾT TH	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	18	1.313	19	136	3	39	18		
2	TD5	0	0	0	0	0	0	0 + 2	CHUYEN 2 PAX TD5-TD2	
3	TD2	2	129	2	19	3	34	0		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.442</b>	<b>21</b>	<b>155</b>	<b>6</b>	<b>73</b>	<b>18</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.442</b>		<b>155</b>		<b>73</b>			

GRAND TOAL: 1.670 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH  
NGÔ VĂN THẮNG





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM - 2	TO: PVD8 - P11 - CTK3	CREW: LINH - VTHẮNG - DTÙNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/0216	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	PVD8	58	1	11			63	PVDO	Vietnamese
2	ĐAM NGỌC TUẤN ANH	PVD8	63-64	2	10			66	PVDO	Vietnamese
3	TRẦN DUY LINH	PVD8	65	1	8			81	PVDO	Vietnamese
4	VÕ VIỆT ĐỨC	PVD8	66	1	8			97	PVDO	Vietnamese
5	CÙ THANH NHAN	PVD8	57	1	5			66	PVDO	Vietnamese
6	NGUYỄN TRẠ VINH	PVD8	60	1	5			72	PVDO	Vietnamese
7	BUI SỸ TRƯỞNG	PVD8	59	1	6			60	PVDO	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH QUÂN *	PVD8	68-69	2	9			78	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HUYNH CUÔNG *	PVD8	73	1	16	2	23	77	CODIEN	Vietnamese
10	TRẦN ĐƯỜNG	PVD8	61	1	12			66	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	PVD8	70-71	2	13			100	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA *	PVD8	72	1	12			53	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN HOANG SƠN *	PVD8	76-77	2	13			69	NHATHAU	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THỰC	PVD8	62	1	10			64	NHATHAU	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN RIN	PVD8	67	1	9			63	NHATHAU	Vietnamese
16	HA DUC LUONG	PVD8	56	1	8			63	GETRACO	Vietnamese
17	PHẠM VĂN AN	P11	44	1	5			65	PSV	Vietnamese
18	ĐẠO AN TUẤN	CTK3	81	1	11			51	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT LỘC	CTK3	84	1	10			58	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐỖ MẠNH HUNG	CTK3	82-83	2	16			60	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ VĂN MINH	CTK3	85	1	6	1	4	73	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	16	1.138	20	155	2	23	8		
2	P11	1	65	1	5	0	0	6		
3	CTK3	4	242	5	43	1	4	1		
TOTAL		21	1.445	26	203	3	27	15		
WEIGHT KG			1.445		203		27			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

NGÔ VĂN LINH

NGÔ VĂN THẮNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: NAU-3	TO: RC4 - RC5 - MRM	CREW: LINH - NPHÚ - MQUÂN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/0217	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN KHÁNH HÙNG	RC4	81	1	10	3	55	77	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	RC4	80	1	14	2	25	66	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU HỒ	RC4	77-79	3	16			64	CODIEN	Vietnamese
4	PHAN MẠNH HÙNG	RC4	82-84	3	20			71	CODIEN	Vietnamese
5	HÀ VĂN QUỐC	RC4	76	1	8			69	PSV	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC SƠN	RC5	42,93	2	12			71	KH-THAC	Vietnamese
7	VÕ TRỌNG NHIÊN	RC5	94	1	15			58	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ANH TUẤN	RC5	95	1	13			71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NHẬT KIM LONG	RC5	96	1	9	1	9	55	KH-THAC	Vietnamese
10	SUSTAVOV V.S.	MRM	01	1	9			95	D-HANH	Russian
11	KIRICHENKO K.P.	MRM	11	1	5			83	KHOAN	Russian
12	NGUYỄN MẠNH HOAN	MRM	02	1	7			59	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH HÙNG	MRM	03	1	13			65	KHOAN	Vietnamese
14	LÀ QUÝ DANH	MRM	08-10	3	14			60	DVL	Vietnamese
15	ISAKOV ALEKSEI	MRM	12-13	2	17			109	AMHTP	Russian
16	MIKHALEV ALEKSANDR	MRM	14	1	11			99	AMHTP	Russian
17	NGUYỄN HAI HÙNG	MRM	07	1	6			82	AMHTP	Vietnamese
18	HÀ ĐỨC THANH	MRM	06	1	12			65	AMHTP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NGHỆ	MRM	05	1	6			72	AMHTP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC4	5	347	9	68	5	80	0		
2	RC5	4	255	5	49	1	9	0		
3	MRM	10	789	13	100	0	0	16		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.391</b>	<b>27</b>	<b>217</b>	<b>6</b>	<b>89</b>	<b>16</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.391</b>		<b>217</b>		<b>89</b>			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGÔ VĂN LINH  
ĐÀO NGỌC PHÚ